



zhǔ gù
主顾

noun · customer, client

Example Sentences

Zhè wèi lǎo zhǔ gù jīng cháng lái diàn lǐ mǎi dōng xī
这位老主顾经常来店里买东西。

This regular customer often comes to the store to buy things.

wèi le xī yǐn gèng duō zhǔ gù lǎo bǎn jué dìng dǎ zhé cù xiāo
为了吸引更多主顾，老板决定打折促销。

To attract more customers, the boss decided to offer a discount promotion.

Trace each character, then write the word on your own.

主	主	主	主	主	主	主	主				
顾	顾	顾	顾	顾	顾	顾	顾	顾	顾	顾	
顾	顾										